

TUẦN 3:

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

I. Tìm hiểu đề:

Đề bài: Anh (chị) hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu: “ *Ôi ! Sống đẹp là thế nào, hỡi bạn?* ”

- Vấn đề nghị luận: lối sống đẹp của mỗi người .
- Để sống đẹp, mỗi người cần xác định:
 - + Lí tưởng (mục đích sống) đúng đắn, cao cả,
 - + Tâm hồn, tình cảm lành mạnh, nhân hậu
 - + Trí tuệ (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt
 - + Hành động tích cực, hướng thiện
- Với thanh niên, học sinh muốn trở thành người “ *sống đẹp* ” cần:
 - + Chăm chỉ học tập, khiêm tốn học hỏi, biết nuôi dưỡng hoài bão, ước mơ.
 - + Thường xuyên tu dưỡng và rèn luyện đạo đức, có tinh thần bao dung, độ lượng.
- Thao tác lập luận
 - + Giải thích (*sống đẹp là gì?*)
 - + Phân tích (*các khía cạnh sống đẹp*)
 - + Chứng minh (*nêu tấm gương người tốt*)
 - + Bình luận (*bàn về cách sống đẹp; phê phán lối sống ích kỉ, nhỏ nhen, vô trách nhiệm, thiếu ý chí....*)
 - Dẫn chứng: chủ yếu tư liệu thực tế, có thể lấy dẫn chứng trong thơ văn nhưng không cần nhiều.

II. Cách viết một đoạn văn về tư tưởng, đạo lý 200 chữ:

1. **Đối tượng được đưa ra nghị luận:** là một tư tưởng, đạo lý.

2. **Cách thức tiến hành:**

Bước 1: Tìm hiểu đề

- Xác định vấn đề cần nghị luận.
- Xác định các nội dung nghị luận.
- Xác định các thao tác nghị luận.
- Xác định phạm vi tư liệu.

Bước 2: Lập dàn ý

a. Mở đoạn:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận (dẫn đề).
- Nêu vấn đề nghị luận (luận đề).
- Trích dẫn ý kiến, nhận định (nếu có).

b. Thân đoạn:

*Giải thích luận đề:

- Cắt nghĩa từ ngữ, hình ảnh mang hàm ý.
- Khái quát ý nghĩa của đề.
- * *Bàn luận:*
- Bình luận tác dụng hoặc tác hại.
- Phê phán những quan niệm, suy nghĩ lệch lạc, sai lầm.
- * *Bài học nhận thức:*
- Phương hướng phấn đấu của bản thân.

c. Kết đoạn:

- Khẳng định vấn đề vừa nghị luận.
- Liên hệ bài học.

III LUYỆN: Lập dàn ý

*** Mở đoạn:**

- Giới thiệu, dẫn dắt để nêu vấn đề
- + Trực tiếp: nêu ngay câu thơ của Tô Hữu và nội dung, mục đích của câu thơ.
- + Gián tiếp: lựa chọn lối sông là vấn đề vô cùng khó khăn, đặc biệt đối với bạn trẻ.
- + Phản đề: nêu thực trạng một bộ phận thanh thiếu niên sống ích kỉ, trục lợi.
- Nêu vấn đề: vấn đề sông đẹp mà câu thơ của Tô Hữu đưa ra là vấn đề con người cần nhận thức và rèn luyện một cách đúng đắn, tích cực.

*** Thân đoạn:**

* *Giải thích* thế nào là lối sông đẹp? (Sông đẹp: sông có ý nghĩa, sông có ích cho cộng đồng, quốc gia dân tộc, người khẳng định năng lực bản thân, giá trị của mỗi cá nhân; cách sông làm người khác cảm phục, yêu mến, kính trọng, noi theo; suy nghĩ khát vọng chính đáng, cao đẹp.

* Phân tích, chứng minh **một trong các khía cạnh** biểu hiện của sông đẹp:

- Sông có lý tưởng, mục đích đúng đắn, cao đẹp: Gợi ý:
 - + Sông tự lập, có ích cho xã hội.
 - + Sông biết dung hòa lợi ích bản thân và cộng đồng.
 - + Sông có ước mơ, khát vọng, hoài bão vươn lên, khẳng định giá trị, năng lực bản thân.
- Sông có tâm hồn, tình cảm lành mạnh, nhân hậu: Gợi ý:
 - + Hiếu nghĩa với người thân
 - + Quan tâm, yêu thương, chia sẻ với những người xung quanh .
 - + Dũng cảm, lạc quan, giàu ý chí, nghị lực.
 - + Không chạy theo lối sông lập dị, không phù hợp với truyền thống, thẩm mỹ, văn hóa dân tộc.
- Sông không ngừng học hỏi, mở mang trí tuệ, bồi bổ kiến thức: Gợi ý:
 - + Học để biết, để có kiến thức về các lĩnh vực xã hội , để khám phá chính mình.
 - + Học để sông có văn hóa, tiến bộ.
 - + Học để làm, để chung sông, để khẳng định chính mình.

- Sống phải hành động lương thiện, tích cực:
- + Không nói suông mà phải có hành động cụ thể để chứng tỏ lối sống đẹp.
- + Hành động cần có tính xây dựng, tránh vì lợi ích cá nhân mà gây bất lợi cho lợi ích tập thể.
- * **Bình luận:**
- Khẳng định lối sống đẹp:
- + Là mục đích, lựa chọn, biểu hiện của con người chân chính, xứng đáng là người.
- + Chủ yếu thể hiện qua lối sống, hành động.
 - Bác bỏ và phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực...
 - Liên hệ bản thân: Xác định phương hướng, biện pháp phấn đấu để có lối sống đẹp.
- * **Kết đoạn:**
- Khẳng định ý nghĩa của lối sống đẹp: là chuẩn mực đạo đức, nhân cách của con người.
- Nhắc nhở mọi người coi trọng lối sống đẹp, sống cho xứng đáng; cảnh tỉnh sự mất nhân cách của thế hệ trẻ trong đời sống nhiều cám dỗ hiện nay.

IV. HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau:

Nhà văn Nga Lép Tôn-xtôi nói: "*Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống*".

Anh (chị) hãy nêu suy nghĩ về vai trò của lí tưởng trong cuộc sống của con người.

Hướng dẫn tìm hiểu đề:

- Nội dung: Suy nghĩ về vai trò của lí tưởng nói chung đối với mọi người và lí tưởng riêng của mình.
 - + Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường; không có lí tưởng thì không có cuộc sống.
 - + Nâng vai trò của lí tưởng lên tầm cao ý nghĩa của cuộc sống.
 - + Giải thích mối quan hệ lí tưởng và ngọn đèn, phương hướng và cuộc sống.
- Phương pháp nghị luận: Phân tích, giải thích, bình luận, chứng minh.
- Phạm vi tư liệu: Cuộc sống.

Yêu cầu đạt được:

a. Mở đoạn: Giới thiệu, dẫn dắt vấn đề tư tưởng, đạo lí cần nghị luận.

b. Thân đoạn:

* Giải thích câu nói của Lép Tôn-xtôi.

* Suy nghĩ về vai trò của lí tưởng đối với cuộc sống của mỗi người.

- Lý tưởng sống tầm thường, nhỏ bé, ích kỉ có thể làm hại cuộc đời của một người và nhiều người.

- Lý tưởng sống đẹp sẽ kích thích những hành động đẹp, tạo nên niềm say mê sáng tạo, tạo niềm vui trong cuộc sống.

* Suy nghĩ của bản thân về ý kiến của Lep Tôn-xtôi:

- Con người sống phải biết lựa chọn lí tưởng và có hướng phấn đấu thực hiện lí tưởng.

- Vấn đề bức thiết đặt ra cho mỗi học sinh tốt nghiệp THPT là chọn ngành nghề, một ngưỡng cửa để bước vào thực hiện lí tưởng.

c. Kết đoạn:

- Khái quát lại vấn đề.

- Nêu ý nghĩa và rút ra bài học nhận thức từ tư tưởng đạo lí đã nghị luận.

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

I. KHÁI NIỆM NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

1. Khái niệm:

Nghị luận về một hiện tượng đời sống xã hội là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, có thể là những việc đáng khen, cũng có thể là những việc đáng chê trách, hoặc là những vấn đề cần phải bàn bạc hoặc suy nghĩ lại.

2. Ví dụ:

Đề:

- Trình bày suy nghĩ của anh, chị về nhân vật chính trong câu chuyện Chuyện cổ tích mang tên Nguyễn Hữu Ân.

- Trình bày suy nghĩ của anh, chị về hiện tượng nghiện In-tơ-nét trong nhiều bạn trẻ hiện nay.

II. TÌM HIỂU ĐỀ, LẬP DÀN Ý.

Ví dụ:

Hãy bày tỏ ý kiến về hiện tượng nêu trong bài viết sau:

Nếu coi thời gian một ngày là chiếc bánh tròn trịa, bạn sẽ chia chiếc bánh cho bố mẹ, cho công việc, cho gia đình bao nhiêu và dành cho mình bao nhiêu phần?

Trong khi không ít các bạn trẻ hiện nay đang lãng phí chiếc bánh của mình vào những trò chơi vô bổ thì chàng thanh niên trẻ tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh 2007 Nguyễn Hữu Ân lại dành hết chiếc bánh thời gian của mình cho những người bệnh ung thư giai đoạn cuối. Một câu chuyện lạ lùng...

(Theo Tạ Minh Phương, báo điện tử nguoiduongthoi.com.vn)

1. Tìm hiểu đề:

- Thao tác: Bình luận - Giải thích - Chứng minh

- Hiện tượng cần bàn luận: Suy nghĩ về những việc làm của người thanh niên Nguyễn Hữu Ân.

- Phạm vi dẫn chứng: Tự do.

2. Lập dàn ý:

a. Mở bài

Giới thiệu vấn đề (Theo cách diễn dịch, qui nạp, phản đề, ... tùy vào khả năng)

Nêu luận đề: Trình bày ý kiến về người thanh niên Nguyễn Hữu Ân và những việc làm có ý nghĩa của anh.

b. Thân bài:

- Nêu ngắn gọn ý nghĩa hình ảnh chiếc bánh thời gian trong câu chuyện.

- Tóm tắt tính cách và những việc làm của Nguyễn Hữu Ân (Chú ý đoạn thứ hai trong câu chuyện).

- Bình luận:

+ Bình: đó là những việc làm phi thường giữa đời thường, rất đáng quý và đáng trân trọng.

+ Dẫn chứng: Chuyện cổ tích Nguyễn Hữu Ân đã thể hiện một tấm gương về lòng hiếu thảo, vị tha và đức hi sinh của thanh niên ngày nay.

+ Luận: Nguyên nhân:

- Xuất phát từ truyền thống tốt đẹp lâu đời của dân tộc: Yêu thương, giúp đỡ những người gặp cảnh khó khăn, ốm đau bệnh tật.
- Tấm lòng nhân hậu của Nguyễn Hữu Ân.
- Bên cạnh đó vẫn còn một số người có lối sống ích kỉ, vô tâm rất đáng phê phán đã lãng phí chiếc bánh thời gian của mình vào những trò chơi vô bổ.
- Bằng việc làm của mình, Nguyễn Hữu Ân đã cụ thể hóa đạo lí Thương người như thể thương thân, là một tấm gương tốt cho các thế hệ thanh niên, học sinh trong xã hội hiện tại.

c. Kết bài:

Bày tỏ suy nghĩ riêng của người viết (khâm phục, học tập theo tấm gương tốt đó).

KHUYẾN KHÍCH HỌC SINH TỰ HỌC:

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC PHẠM VĂN ĐỒNG.

1. Tác giả:

-Phạm Văn Đồng (1906-2000) là nhà cách mạng lớn của nước ta trong thế kỉ XX, quê ở Quảng Ngãi.

-PVĐ là nhà giáo dục tâm huyết và là nhà lí luận văn hoá nghệ thuật lớn.

2. Hoàn cảnh sáng tác:

- Viết nhân dịp kỉ niệm 75 năm ngày mất của cụ Nguyễn Đình Chiểu (3-7-1888) và đăng trên tạp chí Văn học số tháng 7-1963.

- Thời điểm này có nhiều sự kiện quan trọng: Mĩ can thiệp sâu vào chiến tranh Việt Nam và khắp nơi ở miền Nam nổi lên phong trào đấu tranh quyết liệt.

3. Nội dung:

- Ca ngợi tấm lòng yêu nước, thương dân, một quan niệm nghệ thuật tích cực: dùng ngòi bút làm vũ khí chống gian tà.

- Cách nhìn nhận, đánh giá đúng đắn, mới mẻ của Phạm văn Đồng về con người và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

- PVD đã có những lí lẽ xác đáng, lập luận chặt chẽ, ngôn từ trong sáng, giàu hình ảnh, kết hợp hài hoà giữa sự trân trọng những giá trị văn hoá truyền thống với những vấn đề trọng đại đang đặt ra cho thời đại của mình.

4. Ghi nhớ:

*Bằng cách nhìn, cách nghĩ sâu rộng, mới mẻ và nhiệt tình của một người gắn bó hết mình với đất nước, với nhân dân, PVD đã làm sáng tỏ mối liên hệ khăng khít giữa thơ văn của NĐC với hoàn cảnh của Tổ quốc lúc bấy giờ và với thời đại hiện nay. Đồng thời, tác giả hết lòng ca ngợi NĐC, một người trọn đời dùng cây bút làm vũ khí chiến đấu cho dân, cho nước, một ngôi sao sáng trong nền văn nghệ nước nhà.

*Bài viết có sức lôi cuốn mạnh mẽ do cách nghị luận vừa xác đáng, chặt chẽ vừa xúc động, thiết tha với nhiều ngôn từ đặc sắc.

THÔNGIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI PHÒNG CHỐNG

AIDS 1.12.2003

1. Tác giả:

- Cô-phi An-nan sinh 1938 tại Ga-na (Châu Phi).
- Ông bắt đầu làm việc ở tổ chức Liên hợp quốc từ 1962 và trải qua nhiều cương vị, chức vụ khác nhau (Là người da đen đầu tiên giữ chức Tổng thư kí).
- Ông nhận được nhiều bằng cấp danh dự, giải thưởng cao quý và nhận giải thưởng Nô-ben Hòa bình.

2. Hoàn cảnh và mục đích sáng tác:

- Trong vai trò Tổng thư kí Liên hợp quốc, ông ra Lời kêu gọi hành động gồm 5 điều về đấu tranh chống đại dịch HIV/AIDS và kêu gọi thành lập Quỹ sức khoẻ và AIDS toàn cầu vào tháng 4-2001.

- Văn bản là thông điệp của tác giả gửi nhân dân thế giới nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1-12-2003.

- Nhằm kêu gọi mọi quốc gia và tất cả mọi người hãy nỗ lực ngăn chặn, phòng chống AIDS trên toàn cầu.

3. Ghi nhớ:

*Bản thông điệp khẳng định phòng chống HIV/AIDS phải là mối quan tâm hàng đầu của toàn nhân loại và những cố gắng của con người về mặt này vẫn còn chưa đủ. Tác giả thiết tha kêu gọi các quốc gia và toàn thể nhân dân thế giới hãy coi việc đẩy lùi đại dịch đó là công việc của chính mình, hãy sát cách bên nhau để cùng “đánh đổ các thành lũy của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử” với những người bị HIV/AIDS.

*Bài văn có sức thuyết phục mạnh mẽ vì đã thể hiện được những suy nghĩ sâu sắc và cảm xúc chân thành của tác giả.

TUẦN 4:

**TÂY TIẾN
QUANG DŨNG.**

1. Tác giả: (1921-1988)

- Quang Dũng tên thật là Bùi Đình Diệm, sinh tại Hà Tây. Sau CM- 8, Ông tham gia quân đội. Từ sau 1954 ông là biên tập viên Nhà xuất bản Văn học.

- Quang Dũng là nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh và soạn nhạc. Ông có một hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa. Được tặng giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001.

- Tác phẩm: Mây đầu ô, Rừng biên quê hương, Rừng về xuôi (truyện kí).

2. Đoàn quân Tây Tiến và hoàn cảnh sáng tác:

- Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập đầu năm 1947. Nhiệm vụ là phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt- Lào. Địa bàn hoạt động của họ là miền Tây Bắc hoang vu. Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là học sinh, sinh viên Hà Nội. Họ chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn nhưng vẫn sống lạc quan và chiến đấu dũng cảm. Sau thời gian hoạt động ở Lào, đoàn quân Tây Tiến trở về Hoà Bình thành lập trung đoàn 52.

- Cuối 1948, Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị chưa bao lâu, tại Phù Lưu Chanh, ông nhớ đồng đội nên viết bài thơ “Nhớ Tây Tiến”, sau đổi lại là “Tây Tiến”.

3. Bố cục:

- Phần 1: “Sông Mã ... thơm nếp xôi”:

→ Những cuộc hành quân gian khổ và khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hoang sơ, dữ dội.

- Phần 2: “Doanh trại ... hoa đong đưa”:

→ Những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.

- Phần 3: “Tây Tiến đoàn ... khúc độc hành”:

→ Chân dung người lính Tây Tiến

- Phần 4: “Tây Tiến ... chẳng về xuôi”:

→ Lời thề gắn bó với đoàn quân Tây Tiến

II. Đọc- hiểu:

Đoạn 1: Nhớ khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hoang sơ, dữ dội và hình ảnh người lính Tây Tiến.

* Hai câu đầu: Khởi mở mạch cảm xúc cho bài thơ:

*“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi,
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi.”*

- Câu thơ mở đầu giới thiệu hai hình tượng chính của bài thơ: miền Tây mà sông Mã là đại diện và Tây Tiến, người lính Tây Tiến.

+ Câu cảm

+ Nỗi nhớ đơn vị cũ bật lên thành tiếng gọi: Tây Tiến ơi!

+ Từ láy “chơi vơi”

+ Điệp từ ‘nhớ’.

- “Nhớ chơi vơi” : là nỗi nhớ mênh mông, lửng lơ, không định hình, bao trùm cả không gian, thời gian.

→ Nỗi nhớ da diết, thường trực, ám ảnh; mênh mông, bao trùm cả không gian, thời gian.

*** Khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hoang sơ, dữ dội**

- Câu 3,4:

“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi,

Mường Lát hoa về trong đêm hơi”

+ Địa danh “Sài Khao, Mường Lát”, cùng các địa danh khác gợi sự xa xôi, hoang dã của con đường hành quân.

+ Hình ảnh tả thực “sương lấp”: Sương mù vùng cao như che lấp, nuốt chửng đoàn quân. Khí hậu khắc nghiệt đó cũng chính là nguyên nhân khiến cho người lính “mỏi mệt” trong suốt chặng đường hành quân. => gợi sự gian khổ.

+ Tác giả vừa sử dụng bút pháp tả thực vừa lãng mạn: câu thơ “Mường Lát hoa về trong đêm hơi” toàn là thanh bằng.

→ Gợi không gian huyền ảo: núi rừng về khuya phủ đầy hơi sương, nhưng hương hoa rừng như chiếm lĩnh xua tan cái lạnh giá của không gian.

→ Hai câu thơ đối nhau tạo sự cân bằng, hài hòa về nhịp điệu, cảm xúc và hình ảnh.

=> Khí hậu Tây Bắc về khuya phủ đầy hơi sương lạnh giá được cảm nhận bởi tâm hồn lạc quan của người lính. Hình ảnh “hoa về trong đêm hơi” thật lãng mạn, nên thơ.

- Ba câu tiếp theo: Đặc tả địa hình hiểm trở nhưng không kém phần thơ mộng của miền Tây trên đường hành quân:

“ Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống

+ Điệp từ “dốc” => Sự hiểm trở, trùng điệp, cao vút của núi đồi miền Tây .

+ Những từ láy giàu giá trị gợi hình: khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút + kết hợp với cách ngắt nhịp 4/3

→ Diễn tả thật đặc sự hiểm trở, trùng điệp, độ cao ngất của núi đồi miền Tây.

+ Hình ảnh nhân hóa “súng ngửi trời”: độ cao của dốc; sự tinh nghịch dí dỏm của người lính.

@ Vừa đặc tả độ cao chót vót của núi (Người lính trèo lên ngọn núi cao dường như đang đi trong mây nổi thành cồn “heo hút”, mũi súng như chạm đến đỉnh trời)

@ Vừa thể hiện tính chất tinh nghịch, dí dỏm => khí phách ngang tàng, coi thường hiểm nguy của người lính Tây Tiến.

+ Câu thơ thứ ba với phép tiểu đối, như bẻ đôi:

“Ngàn thước lên cao - ngàn thước xuống”

→ Con đường đầy hiểm trở, gập khúc, trùng điệp, hoang sơ → hình dung sự khó nhọc trên chặng đường hành quân.

- Câu thơ thứ tư đối lập với ba câu trên: “*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*”

→ Toàn thanh bằng, âm ỏi kết thúc dòng thơ: câu thơ nhẹ như nhịp thở thư giãn của người lính.

→ Hình ảnh “mưa xa khơi” giàu sức gợi.

→ Hình dung: Người lính tạm dừng chân bên một dốc núi, phóng tầm mắt ra xa, thấy một không gian mịt mù sương rừng, mưa núi, thấy thấp thoáng những ngôi nhà như đang bồng bênh trôi giữa biển khơi → tận hưởng cảm giác bình yên, lãng mạn của núi rừng.

- Sáu câu tiếp theo:

+ Hai câu miêu tả sự hy sinh người lính.

Từ láy dãi dầu => Những gian khổ mà người lính phải trải qua đến nỗi kiệt sức.

Cách nói giảm nói tránh về cái chết: không bước nữa, bỏ quên đời

→ Người lính hi sinh một cách nhẹ nhàng, bí tráng. Tư thế oai hùng => Sự ra đi thanh thản như vừa hoàn thành xong nhiệm vụ với Tổ quốc.

- Cái hoang vu, bí hiểm tiếp tục được khai thác theo chiều thời gian:

+ Nhân hóa: “*thác gầm thét*”, “*cọp trêu người*”=> Thiên nhiên hoang sơ, man dại, đầy bí hiểm.

+ “Chiều chiều” rồi đến “đêm đêm”=> Người lính thường xuyên đối mặt với nguy hiểm.

- Đoạn thơ kết thúc đột ngột bằng hai câu thơ:

*“Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói,
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”.*

+ Cảnh tượng thật đầm ấm: Sau chặng đường hành vất vả, ấm lòng người lính là nồi cơm bốc khói.

+ Bát xôi nghi ngút khói và hương lúa nếp ngày mùa được trao từ tay em : làm ấm lòng người chiến sĩ, xua tan vẻ mệt mỏi.

+ Kết hợp từ khá lạ, quan hệ từ bị lược bớt: “mùa em” → làm giọng thơ ngọt ngào, êm dịu, ấm áp, chuẩn bị tâm thế cho người đọc cảm nhận đoạn tiếp theo.

2. Đoạn 2: Nhớ những kỉ niệm về tình quân dân trong đêm liên hoan văn nghệ và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.

a. Kỉ niệm tình quân dân:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ*

Khèn lên man điệu nàng e ấp

Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”

- Không gian: ánh sáng “đuốc hoa” → huyền ảo, rục rờ, tung bừng, sôi nổi.

Từ “bùng lên, hồn thơ” giàu sức gợi.

- Hai chữ *kìa em*: cái nhìn vừa ngạc nhiên vừa mê say, ngây ngất của các chàng trai Tây Tiến.

- Khung cảnh lãng mạn, tình tứ.

- Nhân vật trung tâm: em với áo xiêm lộng lẫy (xiêm áo tự bao giờ), vừa e thẹn vừa tính tứ (e ấp), vừa duyên dáng trong điệu vũ xù lạ (man điệu).

→ Làm say đắm lòng người chiến sĩ xa nhà.

=> Bút pháp lãng mạn, miêu tả tài hoa, đoạn thơ diễn tả đêm liên hoan rộn rã; như chấp cánh tâm hồn, tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sĩ.

b. Cảnh sông nước miền Tây:

“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy

Có thấy hồn lau nẻo bến bờ

Có nhớ dáng người trên độc mộc

Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”

- Hình ảnh: sương, lau, dáng người trên độc mộc, nước lũ, hoa đong đưa

- Không gian: Dòng sông trong một buổi chiều giăng mắc một màu sương; sông nước → mênh mông, nhoè mờ, ảo mộng.

- Con người:

+ “Dáng người trên độc mộc”: dáng hình mềm mại, uyển chuyển của con người trên những chiếc thuyền độc mộc

+ Vẻ đẹp của con người hoà hợp với vẻ đẹp của thiên nhiên: những bông hoa rừng cũng “đong đưa”, làm duyên trên dòng nước lũ.

- Điệp khúc “có thấy, có nhớ” => Nỗi nhớ thiết tha.

- Âm điệu trầm lắng => sự bồi hồi hoài niệm.

- Bút pháp lãng mạn, miêu tả tài hoa + Nghệ thuật nhân hóa.

=> Ngôn ngữ tạo hình, giàu tính nhạc, chất thơ và chất nhạc hoà quyện: thể hiện vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của thiên nhiên và con người.

3. Chân dung người lính Tây Tiến:

a. Ngoại hình

- Bên ngoài: có vẻ kì dị, lạ thường: “không mọc tóc, da xanh màu lá” →Vẻ ngoài xơ xác, tiêu tụy => Gọi chiến trường khắc nghiệt vì thiếu thốn, vì bệnh sốt rét hoành hành. =>GIAN KHỔ.

- Bên trong: “dữ oai hùng” → Ẩn dụ: dữ dội, oai phong.

Đối lập với bề ngoài tiêu tụy - bên trong không hề yếu đuối, vẫn oai phong凛冽 ở tư thế “ *dữ oai hùng*” =>Vẻ đẹp oai phong của người lính Tây Tiến.

b. Vẻ đẹp tâm hồn:

- Hình ảnh “mắt trừng”=> Dữ dội, quyết liệt.

- Giác mộng lập công: “ Gửi mộng qua biên giới”

- “Dáng kiều thơm”=> Vẻ đẹp yêu kiều của thiếu nữ Thủ đô.

- Hai chữ “mộng, mơ” tách riêng ở 2 câu: Giàu mộng tưởng, ước vọng.

c. Vẻ đẹp của tinh thần xả thân vì lí tưởng:

- *Hình ảnh những nắm mồ viển xứ rải rác dọc biên cương =>Tả thực: Khung cảnh ảm đạm, thê lương.*

- Ẩn dụ “*đời xanh*”=> *tuổi trẻ.*

- *Cụm từ “chẳng tiếc”:* dứt khoát, tự nguyện.

- “ Chiến trường....đời xanh”: thái độ dứt khoát ra đi với tất cả ý thức trách nhiệm, không tính toán. Sẵn sàng hiến dâng tuổi thanh xuân cho đất nước.

- Sử dụng từ Hán Việt - không khí trang trọng, âm hưởng bi hùng.

-“Áo bào”: cái chết sang trọng.

- NT nói giảm nói tránh” Anh về đất”

- Cái bi nâng lên thành hùng tráng bởi lí tưởng của người nằm xuống. => Cái chết bi hùng, có bi nhưng không lụy.

- “Sông Mã...”: gọi cái chết đậm chất sử thi, bi hùng bởi tiếng gầm của sông Mã.

=> Tinh thần xả thân vì lí tưởng, “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

4. Lời thề gắn bó với đoàn quân Tây Tiến và miền Tây Bắc:

“Tây Tiến người đi không hẹn ước

Đường lên thăm thẳm một chia phôi

Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy

Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”.

- Cách nói khẳng định: “Tây Tiến người đi không hẹn ước”

=> Tô đậm cái không khí chung của một thời Tây Tiến với lời thề kim cổ: ra đi không hẹn ngày về, một đi không trở lại (nhất khứ bất phục hoàn)

- Đường lên Tây Tiến: “thăm thẳm, chia phôi”: nỗi xót xa khi đã xa đồng đội, khi nghĩ đến đường lên Tây Tiến xa xôi, vùi vợi.

- Lời thề cùng Tây Tiến:

+ Mùa xuân ấy: thời điểm lịch sử không bao giờ trở lại.

+ Giọng điệu băng khuâng mà hào hùng, đầy khí phách.

=> Sự gắn bó sâu nặng với đoàn quân Tây Tiến: dù đã rời xa nhưng tâm hồn, tình cảm vẫn đi cùng đồng đội, vẫn gắn bó máu thịt với những ngày, những nơi đã đi qua.

4. Ghi nhớ:

Với cảm hứng lãng mạn và ngòi bút tài hoa, Quang Dũng đã khắc hoạ thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên cái nền cảnh thiên nhiên núi rừng miền tây hùng vĩ, dữ dội và diễm lệ. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ còn có sức hấp dẫn lâu dài đối với người đọc.